

**Soạn Văn: Tổng kết về ngữ pháp****A. Từ loại****I. Danh từ, động từ, tính từ****Câu 1 (trang 130 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):**

- Danh từ: *Lần, lăng, làng*
- Động từ: *Đọc, nghĩ ngợi, phục dịch, đập*
- Tính từ: *Hay, đột ngột, phải, sung sướng*

**Câu 2 (trang 130 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):**

|               |                |                |
|---------------|----------------|----------------|
| /c/ hay       | /a/ cái (lăng) | /c/ đột ngột   |
| /b/ đọc       | /b/ phục dịch  | /a/ ông (giáo) |
| /a/ lần       | /a/ làng       | /c/ phải       |
| /b/ nghĩ ngợi | /b/ đập        | /c/ sung sướng |

**Câu 3 (trang 131 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):**

- Danh từ có thể đứng sau: *Những, các, một, ...*
- Động từ có thể đứng sau: *Hãy, đã, vừa, ...*
- Tính từ có thể đứng sau: *Rất, hơi, quá, ...*

**Câu 4 (trang 131 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):**

| Ý nghĩa khái quát của từ loại                             | Khả năng kết hợp       |                |                            |
|-----------------------------------------------------------|------------------------|----------------|----------------------------|
|                                                           | Kết hợp về phía trước  | Từ loại        | Kết hợp về phía sau        |
| Chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, khái niệm)            | <i>những, các, một</i> | <b>danh từ</b> | <i>kia, ấy, nọ, này...</i> |
| Chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật                      | <i>hãy, đã, vừa</i>    | <b>động từ</b> | <i>xong, rồi, ngay...</i>  |
| Chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái | <i>rất, hơi, quá</i>   | <b>tính từ</b> | <i>quá, lắm, cực kì,</i>   |

### Câu 5 (trang 131 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

- Tròn vốn* là tính từ, ở đây được dùng như động từ.
- Lí tưởng vốn* là danh từ, ở đây được dùng như tính từ.
- Băn khoăn vốn* là tính từ, ở đây được dùng như danh từ.

## II. Các từ loại khác

### Câu 1 (trang 132 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

| Số từ         | Đại từ                                         | Lượng từ | Chỉ từ        | Phó từ                          | Quan hệ từ                       | Trợ từ                           | Tình thái từ | Thán từ   |
|---------------|------------------------------------------------|----------|---------------|---------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|--------------|-----------|
| - ba<br>- năm | - tôi<br>- bao nhiêu<br>- bao giờ<br>- bấy giờ | - những  | - ấy<br>- đâu | - đã<br>- mới<br>- đã<br>- đang | - ở<br>- của<br>- nhưng<br>- như | - chỉ<br>- cả<br>- ngay<br>- chỉ | - hả         | - trời ơi |

### Câu 2 (trang 133 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

Các tình thái từ chuyên dùng ở cuối câu để tạo câu nghi vấn: *À, ư, hử, hờ, hả,...*

## B. Cụm từ

### Câu 1 (trang 133 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

Trung tâm của các cụm danh từ in đậm:

a. *Ảnh hưởng quốc tế; nhân cách; lối sống*. Các dấu hiệu là những lượng từ đứng trước: những, một, một.

b. *Ngày khởi nghĩa*. Dấu hiệu là đứng sau lượng từ những.

c. *Tiếng cười nói*. Dấu hiệu là có thể thêm những vào trước.

**Câu 2 (trang 133 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):**

Phần trung tâm của các cụm từ in đậm:

a. *Đến; chạy; ôm*. Dấu hiệu là đứng sau phó từ đã, sẽ, sẽ.

b. *Lên (cải chính)*. Dấu hiệu là đứng sau phó từ vừa.

**Câu 3 (trang 133 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):**

| Cụm in đậm câu | Phần trung tâm                                                 | Yếu tố phụ đi kèm |
|----------------|----------------------------------------------------------------|-------------------|
| a              | <i>Việt Nam, bình dị, phương Đông, mới, hiện đại (tính từ)</i> | <i>rất</i>        |
| b              | <i>êm ả (động từ)</i>                                          | <i>sẽ</i>         |
| c              | <i>phức tạp, phong phú, sâu sắc (tính từ)</i>                  | <i>hơn</i>        |